

Số: 1597/2017/QĐST-HC Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thế Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Thực.
2. Bà Lê Thị Nhung.

Căn cứ Khoản 2, Khoản 5 Điều 116, Điểm b, Điểm g Khoản 1 Điều 143, Điều 144 và Khoản 2 Điều 165 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 2 Nghị quyết 104/2015/NQ-QH của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Khoản 3 Điều 18, Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét thấy:

Ngày 14/02/2011, Ủy ban nhân dân Quận A đã ban hành Quyết định số 1856/QĐ-UBND về hỗ trợ thiệt hại đối với ông Nguyễn Hữu T với số tiền 4.726.000 đồng. Ngày 26/02/2011, ông Nguyễn Hữu T nhận được quyết định này.

Ngày 11/3/2011, Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định 2813/QĐ-UBND điều chỉnh phần căn cứ của Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 về hỗ trợ thiệt hại đối với ông Nguyễn Hữu T. Ngày 31/3/2011, ông T nhận được Quyết định số 2813/QĐ-UBND nói trên.

Không đồng ý với Quyết định số 1856/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Quận A, ông T khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A. Ngày 05/01/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A ban hành Quyết định số 302/QĐ-UBND-TTr về giải quyết khiếu nại của ông T với nội dung bác yêu cầu khiếu nại của ông T. Ông T nhận được Quyết định số 302/QĐ-UBND-TTr ngày 12/01/2012.

Không đồng ý với Quyết định 302/QĐ-UBND-TTr của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A, ông Nguyễn Hữu T tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 21/12/2012, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ

Chí Minh ban hành Quyết định số 6504/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Hữu T. Ngày 24/4/2013, ông T nhận được Quyết định số 6504/QĐ-UBND nói trên.

Ngày 27/10/2015, ông T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A về hỗ trợ thiệt hại đối với ông Nguyễn Hữu T.

- Quyết định 302/QĐ-UBND-TTr ngày 05/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về giải quyết khiếu nại của ông T.

Ngày 29/11/2016, ông T có đơn khởi kiện bổ sung, theo đó, ông T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hủy các quyết định hành chính sau:

- Quyết định 6671/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A.

- Quyết định số 13378/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của Ủy ban nhân dân Quận A.

- Quyết định 796/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận A.

- Quyết định số 5461/QĐ-UBND-TNMT ngày 27/04/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A.

- Quyết định số 4791/QĐ-UBND-TTr ngày 09/4/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A.

- Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông T.

- Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18/7/2017, ông T có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó ông T xác định ông chỉ khởi kiện đối với 03 Quyết định hành chính: Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A về hỗ trợ thiệt hại đối với ông Nguyễn Hữu T; Quyết định 302/QĐ-UBND-TTr ngày 05/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về giải quyết khiếu nại của ông T và Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông T; Bồi thường cho ông T theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra ông T không còn yêu cầu nào khác. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là tự nguyện nên được chấp nhận để xem xét. Theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T về việc hủy các quyết định: Quyết định 6671/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định số 13378/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định 796/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định số 5461/QĐ-UBND-TNMT ngày 27/04/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định số 4791/QĐ-UBND-TTr ngày 09/4/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy

chỉ còn giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông T đối với 03 Quyết định gồm: Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định 302/QĐ-UBND-TTr ngày 05/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A và Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 27/11/2017, phía người bị kiện là Ủy ban nhân dân Quận A, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có đơn đề nghị Tòa án áp dụng các quy định về thời hiệu khởi kiện để xem xét giải quyết việc khởi kiện của ông Nguyễn Hữu T đối với các Quyết định hành chính số: Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A về hỗ trợ thiệt hại đối với ông Nguyễn Hữu T; Quyết định 302/QĐ-UBND-TTr ngày 05/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về giải quyết khiếu nại của ông T và Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông T.

Xét ý kiến đề nghị của phía người bị kiện và phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng, theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 Luật Tổ tụng hành chính năm 2010, Điều 2 Nghị quyết 104/2015/NQ-QH của Quốc hội thì việc kiện của ông T tại Tòa án đối với Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A và Quyết định 302/QĐ-UBND-TTr ngày 05/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A đều đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định. Do đó, đình chỉ giải quyết yêu cầu này là có căn cứ đúng pháp luật.

Còn đối với Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (được ông T khởi kiện sau ngày 01/7/2016 – ngày Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 có hiệu lực) thì theo quy định tại Khoản 2, Khoản 5 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc kiện của ông T tại Tòa án đã hết thời hiệu khởi kiện theo quy định. Việc đình chỉ giải quyết yêu cầu này là có cơ sở.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết các yêu cầu của người khởi kiện được áp dụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 153/2017/TLST-HC ngày 27 tháng 4 năm 2017, về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất”, giữa:

1. *Người khởi kiện:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1942.

Địa chỉ: 09 Đường M, phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Nguyễn Kiều G, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: 23D Lầu 1, Cư xá V, Phường X, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền được công chứng số 002746, quyền số 05 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/5/2017 tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Cảnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân Quận A (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 168 Đường T, phường Y, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận A và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A:

- Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1980 – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980 – Phó Trưởng phòng Tiếp công dân - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A (có mặt).

- Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1984 - Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ 2 - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A (có mặt).

Cùng địa chỉ: 249 Đường O, phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

- Ông Trần Tuấn K, sinh năm 1980 – Phó Trưởng Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980 – Phó Trưởng phòng Tiếp công dân - Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng Quận A (có mặt).

Cùng địa chỉ: 249 Đường O, phường S, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 1610 Đường V, Phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trương Thị Ngọc M (có mặt).

Địa chỉ: 1610 Đường V, Phường E, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy ủy quyền số 564A/UQ-LT-TCHC ngày 26/5/2017.

3.2. Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền, Quận A.

Trụ sở: 05 Đường H, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền: Bà Lê Thị Kim T2 (có mặt).

Địa chỉ: 05 Đường H, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy ủy quyền số 04/UQ ngày 13/5/2016 của Ủy ban nhân dân phường Thảo Điền.

II. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

- Ông Nguyễn Hữu T không có quyền khởi kiện lại đối với các Quyết định: Quyết định số 1856/QĐ-UBND ngày 14/02/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A về hỗ trợ thiệt hại đối với ông Nguyễn Hữu T; Quyết định 302/QĐ-UBND-TTr ngày 05/01/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A về giải quyết khiếu nại của ông T và Quyết định số 6504/QĐ-UBND ngày 21/12/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giải quyết khiếu nại của ông T nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về người khởi kiện, người bị kiện và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

- Ông Nguyễn Hữu T có quyền khởi kiện lại đối với các Quyết định: Quyết định số 6671/QĐ-UBND ngày 25/5/2011 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định số 13378/QĐ-UBND ngày 28/9/2009 của Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định 796/QĐ-UBND-TNMT ngày 13/01/2010 của Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định số 5461/QĐ-UBND-TNMT ngày 27/04/2011 của Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định số 4791/QĐ-UBND-TTr ngày 09/4/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận A; Quyết định số 285/QĐ-UBND ngày 17/01/2013 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của pháp luật.

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Hoàn trả cho ông Nguyễn Hữu T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng (hai trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu số AC/2012/03846 ngày 10/11/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận A;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thế Trọng